

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN TÂY HÒA  
TỈNH PHÚ YÊN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 75/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 15 - 9 - 2022

V/v: “*Tranh chấp ly hôn*”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂY HÒA, TỈNH PHÚ YÊN**

**- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Lê Thanh Huệ.

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Lê Thanh Tâm, bà Phan Thị Liên

*Thư ký phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Lam – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tây Hòa tỉnh Phú Yên.

Ngày 15 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tây Hòa, tỉnh Phú Yên, xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình sơ thẩm thụ lý số: 199/2021/TLST-HNGĐ ngày 25/10/2021, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 81/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 31/8/2022, giữa:

- *Nguyên đơn:* K, sinh năm 1989

Địa chỉ: Thôn P, xã H, huyện T, tỉnh Phú Yên.

- *Bị đơn:* Đ, sinh năm 1989

Địa chỉ: Thôn P, xã H, huyện T, tỉnh Phú Yên;

Tạm trú: Thôn A, xã H, huyện T, tỉnh Phú Yên.

- *Người làm chứng:* L, sinh năm 1970

Địa chỉ: Thôn P, xã H, huyện T, tỉnh Phú Yên.

(*Nguyên đơn, người làm chứng xin vắng mặt; bị đơn có mặt*).

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

***Nguyên đơn K, bị đơn Đ trình bày:***

- *Quan hệ hôn nhân:* Bà K và ông Đ kết hôn trên cơ sở tự nguyện vào năm 2010, có đăng ký tại UBND xã H. Sau khi kết hôn, sống hạnh phúc một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm, thường xuyên cãi nhau. Mâu thuẫn kéo dài và hai bên tự xa nhau từ đầu năm 2020 đến nay, không ai còn quan tâm đến ai. Nay, nhận thấy tình cảm đã hết, bà K xin ly hôn; ông Đ thống nhất ly hôn.

- *Về con chung:* Có 02 con chung tên T, sinh 14/11/2010; Y, sinh ngày 28/6/2017. Các con do bà K nuôi dưỡng. Bà K xin tiếp tục nuôi các con, không yêu cầu cấp dưỡng. Ông Đ xin nuôi con tên T, bà K nuôi con tên Y, không ai cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết.  
Ngoài ra, các đương sự không yêu cầu gì khác.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có tại hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, trên cơ sở xem xét ý kiến trình bày của đương sự. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt. Áp dụng Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn.

[2] Về quan hệ hôn nhân:

Bà K, ông Đ kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã H, huyện T, tỉnh Phú Yên vào ngày 03/3/2010 nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp.

Sau khi kết hôn, vợ chồng bà K, ông Đ sinh sống một thời gian thì xảy ra mâu thuẫn, do bất đồng quan điểm, thường xuyên cãi nhau. Mâu thuẫn kéo dài và hai bên tự xa nhau từ đầu năm 2020 đến nay, không ai còn quan tâm đến ai. Người làm chứng khai vợ chồng bà K, ông Đ chung sống có mâu thuẫn, đã tự ly thân, bỏ mặc nhau từ khoảng năm 2020. Nay, bà K nhận thấy tình cảm đã hết, xin ly hôn; ông Đ thống nhất ly hôn.

Như vậy, đủ cơ sở xác định mâu thuẫn giữa bà K, ông Đ đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, chấp nhận sự thuận tình ly hôn của bà K, ông Đ.

[3] Về con chung: Có 02 con chung tên T, sinh 14/11/2010; Y, sinh ngày 28/6/2017. Bà K xin tiếp tục nuôi các con, không yêu cầu cấp dưỡng. Ông Đ xin nuôi con tên Đ, bà K nuôi con tên Y, không ai cấp dưỡng nuôi con.

Xét thấy các con hiện đang do bà K nuôi dưỡng, đã quen sống cùng bà K; con chung tên T có nguyện vọng sống cùng bà K. Do đó, để các cháu T, Y phát triển tốt về thể chất lẫn tinh thần, cần chấp nhận yêu cầu của bà K: Giao cho bà K tiếp tục nuôi 02 con tên T, Y.

Về cấp dưỡng nuôi con: Bà K làm công nhân, có sức khỏe, đủ khả năng nuôi con và bà K không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên không buộc ông Đ phải cấp dưỡng nuôi con.

[4] Về tài sản chung: Các đương sự thống nhất không yêu cầu giải quyết nên không xét.

[5] Về án phí: Bà K phải chịu: 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) về yêu cầu xin ly hôn.

### **QUYẾT ĐỊNH**

Áp dụng các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, 55, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

**Tuyên xử:**

1. Chấp nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà K và ông Đ.
2. Về con chung: Giao các con chung tên T, sinh 14/11/2010; Y, sinh ngày 28/6/2017 cho bà K trực tiếp nuôi dưỡng.

Ông Đ không phải cấp dưỡng nuôi con và có quyền, nghĩa vụ thăm nom chung mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Bà K phải chịu án phí về yêu cầu xin ly hôn: 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*). Số tiền này được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) đã nộp tại biên lai thu tiền số 0002070 ngày 25/10/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tây Hòa, tỉnh Phú Yên. Như vậy, bà K đã nộp xong án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Bị đơn có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Nguyên đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Phú Yên;
  - VKSND H. Tây Hòa;
  - Cục THADS H. Tây Hòa;
  - UBND xã H
- ( *GĐKKH số 22, ngày 03/3/2010*);
- Các đương sự;
  - Lưu hồ sơ, AV.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

**Lê Thanh Huệ**